

SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE CORPORATION
CHUONG DUONG BEVERAGES JSC

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

No: 30./CD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2020
Ho Chi Minh City, 06 August, 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HO CHI MINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL**

**Kính gửi : Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**

**Respectfully to : The State Securities Commission
Ho Chi Minh City Stock Exchange**

**Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương
Organization name: Chuong Duong Beverages Joint Stock Company
Mã chứng khoán : SCD
Security symbol : SCD
Địa chỉ : 606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
Address : 606 Vo Van Kiet. Cau Kho Ward, Distrrict 1, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel : 023 8 367 518 Fax: 023 8 367 176
Người thực hiện công bố thông tin : ông Neo Hock Tai, Schubert
Submitted by : Mr. Neo Hock Tai, Schubert
Chức vụ/Position : Tổng Giám Đốc/ General Director
Loại thông tin công bố : Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular 24hours On demand**

Nội dung thông tin công bố/Content of Information disclosure:

- Báo cáo tài chính 6 tháng 2020 được soát xét bởi kiểm toán KPMG Việt Nam/Interim
Financial Statement for 6 month period ended 30 Jun 2020 audited by KPMG Vietnam.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

I declare that all information provided in this notice is true and accurate, I shall be legally responsible for the accuracy of our information disclosure.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên /As above
- Chủ tịch HĐQT/Chairman of BOD
- Lưu KT/Save at Accounting Dept.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CBTT
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
TO DISCLOSE INFORMATION**



NEO HOCK TAI SCHUBERT



Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	0300584564	ngày 24 tháng 7 năm 2017
Đăng ký Doanh nghiệp số	0300584564	ngày 31 tháng 1 năm 2019

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300584564 ngày 31 tháng 1 năm 2019. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Neo Gim Siong Bennett	Chủ tịch
	Ông Trần Đức Hòa	Thành viên
	Ông Trịnh Huy Hóa	Thành viên
	Ông Đặng Trung Kiên	Thành viên
	Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên

Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Phước Thoại	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Neo Hock Tai, Schubert	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thúy Phượng	Giám đốc Tài chính (kiêm Kế toán trưởng)

Trụ sở đăng ký	Số 606, Đường Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Neo Hock Tai, Schubert
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.*

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00305-20-1




Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần-Nước Giải khát Chương Dương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		183.631.101.499	206.885.924.503
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	40.395.454.662	72.520.853.571
Tiền	111		30.395.454.662	42.520.853.571
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	30.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.000.000.000	100.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	100.000.000.000	100.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.734.735.475	17.102.399.502
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	10.696.741.896	15.782.171.876
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.435.198.295	217.380.425
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	3.437.426.157	2.937.478.074
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.834.630.873)	(1.834.630.873)
Hàng tồn kho	140	12(a)	15.732.369.959	16.363.439.613
Hàng tồn kho	141		15.962.200.435	16.605.829.258
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(229.830.476)	(242.389.645)
Tài sản ngắn hạn khác	150		768.541.403	899.231.817
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		447.714.682	899.231.817
Thuế phải thu Nhà nước	153	18(b)	320.826.721	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		39.402.740.944	40.515.659.043
Tài sản cố định	220		3.688.863.563	4.896.194.026
Tài sản cố định hữu hình	221	13	3.680.089.455	4.880.943.794
Nguyên giá	222		57.167.615.691	57.167.615.691
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.487.526.236)	(52.286.671.897)
Tài sản cố định vô hình	227	14	8.774.108	15.250.232
Nguyên giá	228		1.300.192.426	1.300.192.426
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.291.418.318)	(1.284.942.194)
Bất động sản đầu tư	230	15	23.808.760.680	23.808.760.680
Nguyên giá	231		23.808.760.680	23.808.760.680
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.327.836.734	1.004.437.655
Xây dựng cơ bản dở dang	242		1.327.836.734	1.004.437.655
Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.500.000.000	6.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	8(b)	6.500.000.000	6.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		4.077.279.967	4.306.266.682
Chi phí trả trước dài hạn	261		77.281.033	54.944.317
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	1.527.783.750	1.656.243.750
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12(b)	2.472.215.184	2.595.078.615
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		223.033.842.443	247.401.583.546

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		24.623.379.095	50.730.570.882
Nợ ngắn hạn	310		16.864.460.345	42.329.352.132
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	8.777.693.385	20.596.157.808
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		408.555.315	335.258.507
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18(a)	794.658.029	2.468.418.131
Phải trả người lao động	314		1.756.235.505	4.617.376.777
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	3.336.484.621	11.407.444.772
Phải trả ngắn hạn khác	319		1.487.533.356	1.288.588.334
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	303.300.134	1.616.107.803
Nợ dài hạn	330		7.758.918.750	8.401.218.750
Phải trả dài hạn khác	337		120.000.000	120.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	7.638.918.750	8.281.218.750
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		198.410.463.348	196.671.012.664
Vốn chủ sở hữu	410	22	198.410.463.348	196.671.012.664
Vốn cổ phần	411	23	85.000.000.000	85.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		85.000.000.000	85.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(347.276.838)	(347.276.838)
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	104.569.834.944	104.569.834.944
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.187.905.242	7.448.454.558
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũ lũy kế) đến cuối năm trước	421a		7.590.443.977	(6.964.865.635)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.597.461.265	14.413.320.193
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		223.033.842.443	247.401.583.546

Ngày 6 tháng 8 năm 2020

Người lập:


 Bùi Thị Kim Chi
 Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Thúy Phương
 Kế toán trưởng


 Neo Hock Tai, Schubert
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

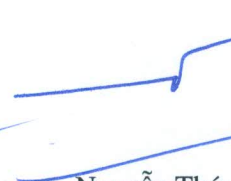
Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	26	78.223.543.250	139.545.454.978
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	6.292.474.780	2.354.182.982
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	26	71.931.068.470	137.191.271.996
Giá vốn hàng bán	11	27	56.869.508.099	98.762.271.305
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		15.061.560.371	38.429.000.691
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	6.070.183.784	5.183.254.919
Chi phí tài chính	22		9.467.641	7.219.919
Chi phí bán hàng	25	29	9.090.901.991	16.792.586.972
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	10.354.468.568	11.226.560.970
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.676.905.955	15.585.887.749
Thu nhập khác	31		328.464.520	418.015.829
Chi phí khác	32		236.484.719	1.605.394
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		91.979.801	416.410.435
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.768.885.756	16.002.298.184
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	42.964.491	2.831.486.111
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	128.460.000	343.771.617
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.597.461.265	12.827.040.456
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	188	1.484

Ngày 6 tháng 8 năm 2020

Người lập:


 Bùi Thị Kim Chi
 Kế toán


 Nguyễn Thúy Phương
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nêo Hock Tai, Schubert
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		1.768.885.756	16.002.298.184
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.207.330.463	1.643.956.591
Các khoản dự phòng	03		(29.736.373)	(284.512.581)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6.069.184.080)	(5.181.186.471)
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(3.122.704.234)	12.180.555.723
Biến động các khoản phải thu	09		(9.130.258.584)	12.674.192.615
Biến động hàng tồn kho	10		783.669.458	1.846.700.749
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(23.528.755.076)	(18.827.498.401)
Biến động chi phí trả trước	12		429.180.419	292.123.097
			(34.568.868.017)	8.166.073.783
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(666.293.533)	(859.551.679)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.813.118.250)	(1.941.590.492)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(37.048.279.800)	5.364.931.612
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(323.399.079)	(63.014.228)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(60.000.000.000)	(30.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		60.000.000.000	30.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		5.246.279.970	4.762.985.556
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.922.880.891	4.699.971.328

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(32.125.398.909)	10.064.902.940
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		72.520.853.571	64.975.788.530
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	7	40.395.454.662	75.040.691.470

Ngày 6 tháng 8 năm 2020


Người lập:


 Bùi Thị Kim Chi
 Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Thúy Phương
 Kế toán trưởng




 Neo Hock Tai, Schubert
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Ngày 25 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 71/2006/GCNCP-CNTTLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006 với mã giao dịch là SCD.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống (không hoạt động tại khu dân cư tập trung); sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống; và kinh doanh nhà và môi giới bất động sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 316 nhân viên (1/1/2020: 320 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 19 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 10 năm.

(ii) Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tồn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nước giải khát. Hoạt động khác là nắm giữ bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Ảnh hưởng của Covid-19

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

6. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nước giải khát. Hoạt động khác là nắm giữ bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Trong kỳ, hoạt động khác không phát sinh doanh thu cũng như các chi phí liên quan. Theo đó, toàn bộ doanh thu và chi phí trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt tổng tài sản, bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá thỏa mãn quy định về trình bày báo cáo bộ phận. Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 thuyết minh đầy đủ thông tin về giá trị của mỗi bộ phận tài sản như đã được phân loại.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	11.937.223	21.255.015
Tiền gửi ngân hàng	30.383.517.439	42.499.598.556
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	30.000.000.000
	40.395.454.662	72.520.853.571

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 4,8% đến 5,0% một năm (1/1/2020: 5,0% đến 5,5% một năm).

8. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo và hưởng lãi suất từ 4,3% đến 7,0% một năm (1/1/2020: 5,7% đến 7,0% một năm).

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	30/6/2020 và 1/1/2020		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải khát Sài Gòn – Tây Đô	1.105.000	5,525%	6.500.000.000	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Bao bì Vận chuyển Sài Gòn Hà Nội	2.768.810.000	4.799.120.100
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Phước Gia Hào	2.064.628.890	5.925.261.836
Công ty TNHH Trâm Anh La	1.369.310.090	-
Các khách hàng khác	4.493.992.916	5.057.789.940
	<hr/>	<hr/>
	10.696.741.896	15.782.171.876
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	16.697.010	23.887.582
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng	28.597.652	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	2.340.404	531.905
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	2.011.054.794	2.293.150.684
Phải thu cổ tức	1.105.000.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	36.000.000	36.000.000
Phải thu khác	285.371.363	608.327.390
	<hr/>	<hr/>
	3.437.426.157	2.937.478.074
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2020 và 1/1/2020		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn				
Công ty TNHH Một Thành Viên Thạch Thuận Thành	Hơn 5 năm	250.657.220	(250.657.220)	-
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Hơn 5 năm	322.620.177	(322.620.177)	-
Ông Lý Hoàng Phi	Hơn 5 năm	155.999.833	(155.999.833)	-
Các khách hàng khác	Hơn 5 năm	1.105.353.643	(1.105.353.643)	-
		1.834.630.873	(1.834.630.873)	-

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	1.834.630.873	818.994.163
Xóa sổ trong kỳ	-	(228.749.160)
Số dư cuối kỳ	1.834.630.873	590.245.003

12. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	4.129.948.877	(194.208.691)	6.487.090.458	(199.855.539)
Công cụ và dụng cụ	2.328.367.970	(35.621.785)	2.753.333.487	(42.534.106)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	8.589.938	-
Thành phẩm	9.503.883.588	-	7.352.829.565	-
Hàng gửi đi bán	-	-	3.985.810	-
	15.962.200.435	(229.830.476)	16.605.829.258	(242.389.645)

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	242.389.645	757.306.238
Chuyển sang dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	(195.449.424)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(12.559.169)	(215.006.331)
Số dư cuối kỳ	229.830.476	346.850.483

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	2.852.077.595	(379.862.411)	2.992.118.230	(397.039.615)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	397.039.615	-
Chuyển từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	195.449.424
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(17.177.204)	-
Số dư cuối kỳ	379.862.411	195.449.424

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	7.960.750.637	38.928.236.461	9.815.442.003	463.186.590	57.167.615.691
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	5.998.710.193	37.078.723.994	8.751.460.329	457.777.381	52.286.671.897
Khấu hao trong kỳ	240.591.959	469.564.919	487.077.916	3.619.545	1.200.854.339
Số dư cuối kỳ	6.239.302.152	37.548.288.913	9.238.538.245	461.396.926	53.487.526.236
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.962.040.444	1.849.512.467	1.063.981.674	5.409.209	4.880.943.794
Số dư cuối kỳ	1.721.448.485	1.379.947.548	576.903.758	1.789.664	3.680.089.455

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 40.903 triệu VND (1/1/2020: 39.066 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.196.192.426	104.000.000	1.300.192.426
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.196.192.426	88.749.768	1.284.942.194
Khấu hao trong kỳ	-	6.476.124	6.476.124
Số dư cuối kỳ	1.196.192.426	95.225.892	1.291.418.318
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	-	15.250.232	15.250.232
Số dư cuối kỳ	-	8.774.108	8.774.108

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 1.196 triệu VND (1/1/2020: 1.196 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 phản ánh quyền sử dụng đất của Công ty tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên			
▪ Các khoản dự phòng	20%	1.527.783.750	1.656.243.750

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn	3.975.427.856	9.721.489.141
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	1.293.555.900	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	1.147.230.000	-
Công ty TNHH Công nghiệp KCP Việt Nam	-	3.466.103.550
Các nhà cung cấp khác	2.361.479.629	7.408.565.117
	<hr/>	<hr/>
	8.777.693.385	20.596.157.808

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	1.199.000	48.604.600

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số cân trừ trong kỳ VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.796.554.081	7.854.707.033	(4.443.356.308)	(4.483.333.202)	-	724.571.604
Thuế thu nhập doanh nghiệp	396.179.999	42.964.491	(666.293.533)	-	227.149.043	-
Thuế thu nhập cá nhân	274.896.131	497.722.960	(866.296.769)	-	93.677.678	-
Thuế nhà đất	-	7.161.967.728	(7.092.567.863)	-	-	69.399.865
Thuế khác	787.920	210.268.362	(210.369.722)	-	-	686.560
	2.468.418.131	15.767.630.574	(13.278.884.195)	(4.483.333.202)	320.826.721	794.658.029

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2020 VND	Chuyển từ thuế phải nộp VND	30/6/2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	227.149.043	227.149.043
Thuế thu nhập cá nhân	-	93.677.678	93.677.678
	-	320.826.721	320.826.721

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	2.892.390.418	7.001.585.023
Chi phí vận chuyển và bốc dỡ	413.461.308	205.867.372
Chi phí thuê	-	820.336.000
Chi phí trích trước khác	30.632.895	3.379.656.377
	<hr/>	<hr/>
	3.336.484.621	11.407.444.772
	<hr/>	<hr/>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.616.107.803	1.676.689.280
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 22)	-	249.711.070
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	(141.989.419)	-
Sử dụng trong kỳ	(1.170.818.250)	(1.403.302.992)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	303.300.134	523.097.358
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	8.281.218.750	9.346.456.250
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	538.287.500
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(607.793.750)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(642.300.000)	(538.287.500)
Số dư cuối kỳ	7.638.918.750	8.738.662.500

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	(Lỗ lũy kế)/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	85.000.000.000	(347.276.838)	104.057.535.579	(6.964.865.635)	181.745.393.106
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	12.827.040.456	12.827.040.456
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	512.299.365	(512.299.365)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(249.711.070)	(249.711.070)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2019	85.000.000.000	(347.276.838)	104.569.834.944	5.100.164.386	194.322.722.492
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.756.981.274	3.756.981.274
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.408.691.102)	(1.408.691.102)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	85.000.000.000	(347.276.838)	104.569.834.944	7.448.454.558	196.671.012.664
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.597.461.265	1.597.461.265
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	141.989.419	141.989.419
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	85.000.000.000	(347.276.838)	104.569.834.944	9.187.905.242	198.410.463.348

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	85.000.000.000	8.500.000	85.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	22.360	347.276.838	22.360	347.276.838
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	8.477.640	84.776.400.000	8.477.640	84.776.400.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019.

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	865.494.000	865.494.000
Từ hai đến năm năm	3.461.976.000	3.461.976.000
Sau năm năm	26.413.014.000	26.845.761.000
	<hr/>	<hr/>
	30.740.484.000	31.173.231.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	Số lượng	30/6/2020		1/1/2020	
				VND	Số lượng	VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	Lít	911.411	14.152.429.000	7.291	96.876.000	
			<hr/>		<hr/>	

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Ngoại tệ				
▪ USD	1.053	24.356.939	1.056	23.506.094
▪ EUR	485	12.510.833	485	12.510.833
		<hr/>		<hr/>
		36.867.772		36.016.927
		<hr/> <hr/>		<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	77.718.035.690	138.918.406.725
▪ Doanh thu khác	505.507.560	627.048.253
	78.223.543.250	139.545.454.978
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	6.292.474.780	2.354.182.982
	71.931.068.470	137.191.271.996

27. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	56.899.244.472	98.977.277.636
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(29.736.373)	(215.006.331)
	56.869.508.099	98.762.271.305

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lãi tiền gửi	3.859.184.080	3.744.686.471
Cổ tức được chia	2.210.000.000	1.436.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	999.704	2.068.448
	6.070.183.784	5.183.254.919

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	5.399.604.565	6.809.758.114
Chi phí vận chuyển	1.332.621.579	2.175.891.980
Chi phí khấu hao và phân bổ	346.112.392	375.166.326
Chi phí hỗ trợ bán hàng	328.882.950	3.497.299.654
Chi phí quảng cáo	737.793.996	2.182.979.021
Chi phí bán hàng khác	945.886.509	1.751.491.877
	9.090.901.991	16.792.586.972

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	5.724.977.436	4.905.384.522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.033.592.161	1.784.167.411
Chi phí thuê đất	711.110.460	565.909.395
Chi phí khấu hao và phân bổ	401.968.861	420.943.268
Chi phí quản lý khác	1.482.819.650	3.550.156.374
	10.354.468.568	11.226.560.970

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	37.688.267.314	92.100.734.390
Chi phí nhân công và nhân viên	21.766.378.404	25.691.891.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.528.309.575	14.703.465.150
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.207.330.463	1.643.956.591
Chi phí khác	3.124.592.902	8.875.270.546

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	42.964.491	2.831.486.111
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	128.460.000	343.771.617
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	171.424.491	3.175.257.728

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.768.885.756	16.002.298.184
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	353.777.151	3.200.459.637
Chi phí không được khấu trừ thuế	214.800.561	262.098.091
Thu nhập không bị tính thuế	(442.000.000)	(287.300.000)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	44.846.779	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	171.424.491	3.175.257.728

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	1.597.461.265	12.827.040.456
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(249.711.070)
	<hr/>	<hr/>
	1.597.461.265	12.577.329.386

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 8.477.640 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán hàng	1.017.392.625	2.285.551.851
Chi phí vận chuyển	-	11.411.312
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Bán hàng	56.803.065	9.736.364
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Bia Sài Gòn		
Bán hàng	113.410.437	21.905.273
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Bán hàng	87.801.542	23.138.182
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Bán hàng	78.418.538	26.689.091
Chi phí vận chuyển	-	5.203.589
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm		
Bán hàng	126.405.363	5.730.510.818
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Bán hàng	38.243.520	16.036.364
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ		
Bán hàng	61.095.992	12.141.818
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông		
Bán hàng	94.480.000	17.181.818
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Bán hàng	76.766.796	15.463.636
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Bán hàng	84.702.253	16.036.364
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Bán hàng	65.520.000	13.974.546

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Bán hàng	32.508.000	-
Mua thành phẩm	-	66.279.000
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán hàng	34.120.970	15.349.091
Cổ tức nhận được	2.210.000.000	1.436.500.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng		
Bán hàng	59.835.640	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán hàng	57.848.408	-
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân		
Bán hàng	50.613.659	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam		
Bán hàng	117.350.056	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Bán hàng	53.318.389	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Bán hàng	32.957.732	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng		
Bán hàng	52.448.229	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc		
Bán hàng	74.932.655	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Bán hàng	33.546.262	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Bia Sài Gòn		
Bán hàng	35.784.000	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	1.394.796.132	986.037.076

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số liệu so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ngày 6 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Bùi Thị Kim Chi
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thúy Phương
Kế toán trưởng



Neo Hock Tai, Schubert
Tổng Giám đốc

